

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 – 6 – 2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Hiếu Trung
2. Bà Nguyễn Thị Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị V, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Chị V có mặt, anh H vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V và anh H tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2005 tại UBND xã Đ, thành phố S. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, anh H còn có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Ngoài ra anh H còn

tham gia cò bạc, anh H thích thì đi làm, không thích thì thôi. Chị V khuyên nhiều lần không nghe nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cự cãi, đánh nhau làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Năm 2018 để có tiền lo cho các con, chị V lên Bình Dương làm thuê. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Nay chị V nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Chị V yêu cầu ly hôn anh H.

- Về nuôi con chung: Có 03 con tên T, sinh ngày 13/6/2005; N, sinh ngày 03/12/2007 và Q, sinh ngày 08/8/2012 (hiện các con đang sống với chị V). Khi ly hôn, chị V yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn anh H thống nhất theo lời trình bày của chị V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cách nay khoảng vài năm phát sinh mâu thuẫn, do chị V bỏ đi làm ở xa, để con lại cho anh H chăm sóc, nên vợ chồng có cự cãi, gây gổ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh H cũng đã có tình cảm với người khác. Do đó, anh H đồng ý ly hôn chị V.

- Về nuôi con chung: Có 03 con tên T, sinh ngày 13/6/2005; N, sinh ngày 03/12/2007 và Q, sinh ngày 08/8/2012 (hiện các con đang sống với chị V). Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị V nuôi con, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 18/3/2019, cháu T và N trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, không sống chung với nhau, các cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy chị V và anh H đều xác định tình cảm không còn, anh H cũng đồng ý ly hôn chị V do đã có tình cảm với người khác. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã mời làm việc nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa hòa giải nên không thể hòa giải thuận tình ly hôn. Do đó, việc chị V yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật; Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị V và anh H. Chị V được nuôi các con chung tên T, sinh ngày 13/6/2005; N, sinh ngày 03/12/2007 và Q, sinh ngày 08/8/2012 (hiện các con đang sống với chị V). Về cấp dưỡng nuôi con: chị V không yêu cầu nên không xem xét. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị V yêu cầu ly hôn anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị V và anh H chung sống vợ chồng từ năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2005 tại UBND xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị V và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm, cách sống hai bên không còn phù hợp, anh H có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Ngoài ra anh H còn tham gia cờ bạc, anh H thích thì đi làm, không thích thì thôi nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ cự cãi, đánh nhau. Nay tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị V yêu cầu ly hôn, về phía anh H cũng thừa nhận đã có tình cảm với người khác, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị V. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã nhiều lần mời anh H đến tham gia hòa giải nhưng anh H cố tình vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh H.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị V yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Gồm có T, sinh ngày 13/6/2005; N, sinh ngày 03/12/2007 và Q, sinh ngày 08/8/2012 (hiện các con đang sống với chị V). Khi ly hôn, chị V và anh H thống nhất thỏa thuận, chị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị V và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Hg có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị V nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị V. Cho ly hôn giữa chị V và anh H.

2. Về nuôi con chung:

- Chị V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên T, sinh ngày 13/6/2005; N, sinh ngày 03/12/2007 và Q, sinh ngày 08/8/2012 (hiện đang sống với chị V).

- Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị V nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp ngày 18/3/2019 theo biên lai thu số 0009469 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố S được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

